

Số: 22/2021/QĐST-DS

Huyện T, ngày 21 tháng 9 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 13 tháng 9 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 62/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP P (tên viết tắt là Ngân hàng P); Địa chỉ trụ sở chính: Số L, Phường B, Quận M, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng P.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M - Chức vụ: Cán bộ thu hồi nợ hiện trường Ngân hàng P; Địa chỉ: Số T, Phường L, Quận N, thành phố H (Văn bản ủy quyền số 40/2019/UQ-CT.HĐQT ngày 04/11/2019 và số 04.5/2021/UQ-P ngày 04/5/2021).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1956 và bà Lưu Thị M, sinh năm 1956; Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện T, thành phố H.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện T, thành phố H (Văn bản ủy quyền ngày 13/9/2021).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984 và chị Vũ Thị H, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện T, thành phố H.

*Người đại diện theo ủy quyền của chị Vũ Thị H:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện T, thành phố H (Văn bản ủy quyền ngày 13/9/2021).

## 2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả nợ: Ông Nguyễn Văn P và bà Lưu Thị M phải trả cho Ngân hàng P tổng số tiền còn nợ tính đến hết ngày 13/9/2021 là 466.643.180 đồng (trong đó: Nợ gốc là 357.200.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 72.285.208 đồng, nợ lãi quá hạn là 37.157.972 đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 0165-VM/2017/HĐTD-CN ngày 20/7/2017 mà các bên đã ký kết.

Kể từ ngày 14/9/2021 cho đến khi thi hành án xong, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.2. Ông Nguyễn Văn P và bà Lưu Thị M thanh toán nợ tại điểm 2.1. nêu trên theo phương án sau:

Trong thời hạn 05 tháng kể từ tháng 10 năm 2021, mỗi tháng ông Nguyễn Văn P và bà Lưu Thị M trả 5.000.000 đồng vào nợ gốc và trả vào ngày 20 hàng tháng. Chậm nhất đến ngày 28 tháng 02 năm 2022, ông Nguyễn Văn P và bà Lưu Thị M trả hết toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng P.

2.3. Trường hợp ông Nguyễn Văn P và bà Lưu Thị M vi phạm nghĩa vụ trả nợ như điểm 2.2. thì Ngân hàng P được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm sau để xử lý thu hồi toàn bộ khoản nợ: Quyền sử dụng diện tích đất 294,4m<sup>2</sup> (trong đó gồm có 200m<sup>2</sup> đất ở và 94,4m<sup>2</sup> đất vườn) và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 516a, tờ bản đồ số 02 tại xóm M

(nay là thôn M), xã T, huyện T, thành phố H (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 978225, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận 00520QSDD/HP-TN, TĐ do Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố H cấp ngày 14/01/2004 cho người sử dụng là hộ ông Nguyễn Văn P. Ngày 21/02/2012, Phòng Tài nguyên và môi trường huyện T đính chính hộ ông Nguyễn Văn P thành ông Nguyễn Văn P theo hồ sơ số 709).

Số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm sau khi trả nợ cho Ngân hàng P mà còn dư thì sẽ được trả lại phần dư cho người có tài sản; trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết nợ thì ông Nguyễn Văn P và bà Lưu Thị M phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng P theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

2.4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn P và bà Lưu Thị M nhận nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 11.333.000 đồng (đã làm tròn số). Ông Nguyễn Văn P và bà Lưu Thị M là người cao tuổi và có đơn đề nghị được miễn nộp tiền án phí nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 và khoản 3 Điều 12, Điều 14 và Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Văn P và bà Lưu Thị M được miễn nộp số tiền là  $11.333.000 : 2 = 5.666.000$  đồng (đã làm tròn số). Ông Nguyễn Văn P và bà Lưu Thị M còn phải nộp 5.666.000 đồng (đã làm tròn số) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.100.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016001 ngày 12/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố H.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND thành phố H;
- VKSND huyện T, thành phố H;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Nam Ninh**